

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH
Bản án số: 04 /2025/HS-ST
Ngày: 20- 01-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tiến

Bà Đặng Thị Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Nhật Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2024/TLST- HS ngày 18 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2025; đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; sinh ngày 19 tháng 11 năm 1996 tại: Bắc Giang. Nơi thường trú: Thôn Dinh T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở hiện nay: Xóm 7, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ (Đã chết), con bà Thân Thị T, sinh năm: 1969; Nghề nghiệp: Làm ruộng; gia đình có 03 chị em, T là con thứ ba trong gia đình; chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Chưa. Nhân thân: Từ nhỏ sinh ra tại xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang, được gia đình nuôi ăn học đến lớp 9/12. Năm 2011, chuyển đến sinh sống và làm công nhân tại xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Năm 2015, xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Năm 2017, trở về địa phương sinh sống và làm công nhân tại xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đến tháng 11/2023, chuyển đến sinh sống và làm công nhân tại xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam cho đến ngày bị bắt.

Bị cáo Nguyễn Văn T bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2024 đến nay tại

Nhà tạm giữ Công an thành phố Đồng Hới

* Bị hại:

1. Anh Cao Văn C, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Thành N, sinh năm: 1999; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Anh Hoàng Văn T, sinh năm: 1985; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. (Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuân H, phân trại số 2, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh). Vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đường Thị H, sinh năm: 1997; địa chỉ: KCN Đồng Văn 4, Xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1997; địa chỉ: Thôn Cầu Tây, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

3. Anh Vi Văn T, sinh năm: 1993; địa chỉ: Xóm 8, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Huy U, sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn Dinh T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1993; địa chỉ: Thôn U, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

6. Chị Diệp Thị Hồng H, sinh năm: 2005; địa chỉ: Tổ 9, phường Cá, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 2000; địa chỉ: Thôn C, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

8. Trần Thị T, sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu năm 2019, Nguyễn Văn T lập tài khoản facebook có tên “Sống Hải Hoà”. Mặc dù không có khả năng đưa người khác đi nước ngoài để lao động nhưng vì mục đích chiếm đoạt tài sản, T sử dụng tài khoản facebook trên đăng tải thông tin gian dối về việc tuyển dụng đưa người đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan bằng đường thủy. Khi có người liên hệ, T yêu cầu chuyển khoản một số tiền

đặt cọc để làm thủ tục hồ sơ vào một trong hai tài khoản ngân hàng là tài khoản số 286056164 thuộc ngân hàng VP Bank mang tên “DUONG THI HUE” hoặc tài khoản ngân hàng TPBank số 77177638888 mang tên “NGUYEN VAN TIEN”. Sau khi nhận được tiền do các bị hại chuyển đến, T không làm thủ tục hồ sơ như đã thỏa thuận từ trước mà chiếm đoạt luôn số tiền trên.

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, T sử dụng điện thoại di động hiệu IPHONE 12 PROMAX, màu xanh của mình để đăng nhập vào facebook “Sống Hải Hoà”, trao đổi, thỏa thuận với các bị hại. Đồng thời, T cũng sử dụng điện thoại trên để mở hai tài khoản online là tài khoản số 286056164 thuộc ngân hàng VP Bank mang tên “DUONG THI HUE” và tài khoản ngân hàng TPBank số 77177638888 mang tên “NGUYEN VAN TIEN” từ thông tin cá nhân của Đường Thị H và Nguyễn Văn T để nhận và chuyển tiền lừa đảo được.

Để tránh việc bị phát hiện ra hành vi lừa đảo của mình, khi có tiền bị hại chuyển vào hai tài khoản trên, T chuyển tiền từ số tài khoản đã nhận qua nhiều số tài khoản khác nhau, sau đó nhờ những người nhận tiền chuyển lại về tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0731000823318 mang tên “NGUYEN VAN TRUONG” của T để tiêu xài cá nhân. Bằng thủ đoạn trên, T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 03 bị hại với tổng số tiền 136.000.000 đồng. Cụ thể:

Nguyễn Văn T chiếm đoạt của Cao Văn C 43.000.000 đồng.

Khoảng tháng 8/2023, Cao Văn C thấy facebook “Sống Hải Hòa” đăng bài có nội dung đưa người đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên sử dụng Facebook “Cao Chau” của mình để nhắn tin về việc làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi trao đổi, T thông tin với anh C là sẽ làm thủ tục cho anh C đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan bằng đường thủy với chi phí 5.000 USD nhưng phải cọc trước tiền để làm hồ sơ. Tổng cộng, T yêu cầu anh C chuyển khoản 3 lần:

Lần thứ nhất: Vào ngày 23/8/2023, T nhắn tin yêu cầu anh C chuyển tiền đặt cọc để làm hồ sơ là 20.000.000 đồng vào số tài khoản 286056164 thuộc ngân hàng VP Bank mang tên “DUONG THI HUE”. Anh C đồng ý và nhờ người quen có số tài khoản 0601000657548 thuộc ngân hàng Vietcombank mang tên “LE THANH PHUONG” chuyển số tiền trên. Sau khi nhận được tiền, T chuyển toàn bộ đến số tài khoản 0971.913.800 thuộc ngân hàng MB Bank của Nguyễn Huy Ư nhờ nhận hộ và chuyển lại. Ước đồng ý nhận và chuyển lại vào số tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0731000823318 của T 16.000.000 đồng, do trước đó T mượn của Ước 4.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào ngày 24/8/2023, T tiếp tục nhắn tin yêu cầu anh C chuyển tiền để đưa cho các chủ tàu làm thủ tục di chuyển từ Việt Nam đến Đài Loan là 15.000.000 đồng vào số tài khoản 286056164 thuộc ngân hàng VP Bank mang tên “DUONG THI HUE”. Anh C đồng ý và nhờ người quen có số tài khoản

38088017979888 thuộc ngân hàng Hàng Hải mang tên “LE THI KHANH CHAU” chuyển số tiền trên. Sau khi nhận được tiền, T chuyển đến số tài khoản 1015546655 thuộc ngân hàng Vietcombank của Vi Văn T nhờ T nhận hộ và chuyển lại toàn bộ 15.000.000 đồng trên đến tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0731000823318 của T.

Lần thứ ba: Vào ngày 26/10/2023, T tiếp tục yêu cầu anh C chuyển thêm tiền cọc 8.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng TPBank số 77177638888 mang tên NGUYEN VAN TIEN. Anh C đồng ý và nhờ người quen có số tài khoản 5321213668 thuộc Ngân hàng BIDV mang tên “HO THI KIEU” chuyển số tiền trên. Sau khi nhận được tiền, T chuyển 3.000.000 đồng đến số tài khoản của Trần Thị Mỹ Ngọc nhờ Ngọc nhận và chuyển lại số tiền trên đến tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0731000823318 của T. Còn số tiền 5.000.000 đồng T chuyển vào tài khoản ngân hàng Vietcombank số 1037541283 mang tên “BUI DUC NHAM” (T không nhớ rõ mục đích chuyển số tiền này là để làm gì). Nguyễn Văn T chiếm đoạt của Phạm Thành N 35.000.000 đồng. Sau khi chuyển tiền lần hai cho T, anh C rủ cháu mình là Phạm Thành N cùng đi Đài Loan xuất khẩu lao động, Nam đồng ý. Anh C liên hệ với T qua facebook để thỏa thuận làm thủ tục cho Phạm Thành N. T yêu cầu chuyển 35.000.000 đồng là tiền đặt cọc để làm hồ sơ vào số tài khoản 286056164 thuộc ngân hàng VP Bank mang tên “DUONG THI HUE”. Ngày 25/8/2024, anh C liên hệ với Nam và thông tin về việc chuyển tiền. Chiều ngày 25/8/2023, Nam nhờ chị Phạm Thị Hà dùng số tài khoản 9704030271336049 thuộc ngân hàng Sacombank mang tên “PHAM THI HA” chuyển số tiền trên cho T. Sau khi nhận được tiền, T chuyển cho Nguyễn Duy Quang nhờ nhận 35.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0731000657548 của Lê Thị Thủy. Sau đó T lại nhờ Thủy chuyển toàn bộ số tiền trên đến tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0731000823318 của T.

Nguyễn Văn T chiếm đoạt của Hoàng Văn T 58.000.000 đồng.

Khoảng tháng 9/2023, Cao Văn C biết Hoàng Văn T có nhu cầu đi xuất khẩu lao động nước ngoài đã thông tin, giới thiệu T cho Thái, Thái sử dụng tài khoản facebook “Hoàng Văn T” liên hệ với facebook “Sống Hải Hòa” để thỏa thuận làm thủ tục đi xuất khẩu lao động. T đồng ý và cam kết trong một tháng sẽ đưa Thái sang Đài Loan. T yêu cầu Thái chuyển tiền 02 lần:

Lần thứ nhất: Vào ngày 29/9/2023, T nhắn tin qua facebook yêu cầu anh T chuyển tiền đặt cọc để làm hồ sơ là 35.000.000 đồng vào số tài khoản 286056164 thuộc ngân hàng VP Bank mang tên “DUONG THI HUE”. Vì tin tưởng nên anh T đồng ý và sử dụng số tài khoản 5320293320 thuộc ngân hàng BIDV mang tên “HOANG VAN THAI” chuyển số tiền trên cho T. Sau khi nhận được tiền, T chuyển đến số tài khoản 07310008221 ngân hàng Vietcombank của Nguyễn Thị T nhờ T

nhận và chuyển số tiền trên đến tài khoản MBBank 0329243141 cho Nguyễn Thị H. Sau đó, T tiếp tục nhờ Huyền chuyển số tiền trên đến tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0731000823318 của T.

Lần thứ hai: Vào ngày 18/10/2023, T tiếp tục yêu cầu anh T chuyển thêm tiền để đưa cho các chủ tàu làm thủ tục di chuyển từ Việt Nam đến Đài Loan là 23.000.000 đồng vào số tài khoản 286056164 thuộc ngân hàng VP Bank mang tên “DUONG THI HUE”. Để Thái tin tưởng, T nói rằng nếu Thái không tiếp tục chuyển tiền thì sẽ trả lại số tiền 35.000.000 đồng và không làm thủ tục để Thái đi xuất khẩu lao động nữa. Anh T đồng ý và sử dụng số tài khoản 5320293320 thuộc ngân hàng BIDV mang tên “HOANG VAN THAI” chuyển tiếp cho T 23.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền trên, T chuyển đến tài khoản 32810567 thuộc ngân hàng ACB, mang tên “DIEP THI HONG HOA”, T không nhớ rõ mục đích chuyển số tiền trên.

Sau khi lừa đảo chiếm đoạt được số tiền trên, T chặn liên lạc, xóa hết dữ liệu trên điện thoại đồng thời khóa tài khoản Facebook “Sống Hải Hoà” nhằm mục đích cắt đứt liên lạc với Cao Văn C, Hoàng Văn T, số tiền lừa đảo được T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đồng Hới đã tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 12 PROMAX, màu xanh, số IMEI1:355060589332613, số IMEI2:355060589677348, đã qua sử dụng từ Nguyễn Văn T.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt được cho các bị hại, cụ thể: Bồi thường cho Cao Văn C 43.000.000 đồng, Phạm Thành N 35.000.000 đồng và Hoàng Văn T 58.000.000 đồng. Các bị hại không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn T.

Tại bản Cáo trạng số: 02/CT-VKSĐH-KT ngày 18 tháng 12 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới truy tố bị cáo Nguyễn Văn T ra trước Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đã phát biểu lời luận tội, chứng minh và phân tích tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo Nguyễn Văn T theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự khi áp dụng hình phạt. Đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn T từ 24 - 30 tháng tù.

* Vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố

tụng Hình sự tịch thu vào ngân sách Nhà nước:

01 điện thoại di động hiệu IPHONE 12 PROMAX, màu xanh, số IMEI1:355060589332613, số IMEI2:355060589677348, đã qua sử dụng (Theo quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 08/07/2024).

*** Trách nhiệm Dân sự:**

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt được cho các bị hại, cụ thể: Bồi thường cho Cao Văn C 43.000.000 đồng, Phạm Thành N 35.000.000 đồng và Hoàng Văn T 58.000.000 đồng. Các bị hại không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Nên không xem xét.

*** Án phí Hình sự:**

Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 21, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mục I , II danh mục án phí, lệ phí Toà án: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định Pháp luật.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đồng Hới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Đồng Hới, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có trong hồ sơ và quá trình diễn biến phạm tội. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2023, mặc dù không có khả năng đưa người khác đi nước ngoài, nhưng vì mục đích chiếm đoạt tài sản, Nguyễn Văn T sử dụng facebook “Sông Hải Hòa” để đăng tải các thông tin gian dối về việc tuyển người đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan bằng đường thủy. Sau khi nhận được tiền các bị hại chuyển đến, T cắt đứt liên lạc và chiếm đoạt toàn bộ số tiền đã nhận. Bằng thủ đoạn trên, T đã chiếm đoạt của Cao Văn C 43.000.000 đồng, Phạm Thành N 35.000.000 đồng và Hoàng Văn T 58.000.000 đồng. Tổng cộng, T chiếm đoạt của 03 bị hại 136.000.000 đồng. Vì vậy, Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2, Điều 174 Bộ luật Hình sự, đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ hậu quả của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến công việc của bị hại, làm mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố Đồng Hới, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo T là người trưởng thành, có trình độ nhận thức về xã hội, có sức khỏe để lao động nuôi sống bản thân và chăm lo cho gia đình. Nhưng với bản tính thích hưởng lợi từ sức lao động của người khác mà không cần phải làm việc. Nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp hậu quả. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đòi hỏi phải có hình phạt nghiêm khắc để xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Vì vậy phải xử lý nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo thấy được lỗi lầm mà khắc phục sửa chữa.

Tuy nhiên, khi nghị án Hội đồng xét xử cũng xem xét cho bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại, bị hại có đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần áp dụng điểm điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn T.

* Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Nguyễn Văn T có 01 tình tiết tăng nặng là bị cáo thực hiện 03 lần với 03 bị hại, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu vào ngân sách Nhà nước:

01 điện thoại di động hiệu IPHONE 12 PROMAX, màu xanh, số IMEI1:355060589332613, số IMEI2:355060589677348, đã qua sử dụng (Theo quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 08/07/2024).

Vật chứng trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, theo biên bản về việc giao, nhận vật chứng tài sản vào ngày 31/10/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[5] Trách nhiệm Dân sự:

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt được cho các bị hại, cụ thể: Bồi thường cho Cao Văn C 43.000.000 đồng, Phạm Thành N 35.000.000 đồng và Hoàng Văn T 58.000.000 đồng. Các bị hại không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Nên không xem xét.

[6] Các tình tiết khác trong vụ án:

Đối với Đường Thị H và Nguyễn Văn T là hai người cung cấp thông tin cá nhân cho Nguyễn Văn T để thực hiện đăng ký online lập hai tài khoản số 286056164 thuộc ngân hàng VP Bank mang tên “DUONG THI HUE” và tài khoản ngân hàng TPBank số 77177638888 mang tên “NGUYEN VAN TIEN” quá trình điều tra làm rõ, Huế và Tiến không biết T sử dụng thông tin trên nhằm mục đích tạo tài khoản để nhận tiền do lừa đảo mà có, không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của T, do đó hành vi không cấu thành tội phạm.

Liên quan đến việc chuyển khoản số tiền mà Nguyễn Văn T đã chiếm đoạt có các cá nhân nhận tiền từ một trong hai tài khoản số 286056164 thuộc ngân hàng VP Bank mang tên “DUONG THI HUE” hoặc tài khoản ngân hàng TPBank số 77177638888 mang tên “NGUYEN VAN TIEN” rồi chuyển theo yêu cầu của T, quá trình điều tra xác định Vi Văn T, Nguyễn Huy U, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị T đều không biết số tiền T nhờ nhận và chuyển là do lừa đảo mà có và không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn T. Đối với Diệp Thị Hồng H quá trình điều tra xác định mặc dù có mở tài khoản nhưng không sử dụng để giao dịch, không quen biết với Nguyễn Văn T. Do đó, hành vi trên không cấu thành tội phạm. Đối với Nguyễn Duy Quang, Bùi Đức Nhâm, Lê Thị Thủy, Trần Thị Mỹ Ngọc, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng hiện chưa xác định được đang ở đâu, làm gì. Khi nào xác minh làm rõ nếu có căn cứ sẽ tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Án phí Hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu nộp 200.000 đồng để sung ngân sách Nhà Nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:**1. Về tội danh:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về Điều luật áp dụng:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 30 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 08/7/2024.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 12 PROMAX, màu xanh, số IMEI1:355060589332613, số IMEI2:355060589677348, đã qua sử dụng (Theo quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 08/07/2024).

Vật chứng trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, theo biên bản về việc giao, nhận vật chứng tài sản vào ngày 31/10/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

5. Trách nhiệm Dân sự: Miễn xét**6. Án phí Hình sự sơ thẩm:**

Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 21, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu nộp 200.000 đồng để sung quỹ Nhà Nước.

7. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/01/2025). Đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND tỉnh.
- VKSND thành phố Đồng Hới.
- Công an thành phố Đồng Hới.
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- THA phạt tù.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu án

Nguyễn Thị Mỹ Lệ